TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-ST
Ngày: 19/5/2022
Về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Q**,** sinh năm 1987. Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2021). Địa chỉ: đường D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường I, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Ngô Thị Hồng L, sinh năm 1990. Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1980; Địa chỉ: đường I, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là ông Hồ Q trình bày:

Vào năm 2020, ông Nguyễn Trọng T (là bạn nhiều năm và ở cùng chung cư) rủ ông Hồ Q góp tiền kinh doanh tiệm cầm đồ xe ô tô bằng cách ông Q cho ông T mượn tiền. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là 1%/tháng, còn tiền gốc khi nào ông Q cần tiền thì báo ông T sẽ trả ngay. Việc thỏa thuận này chỉ nói miệng với nhau, không lập lại thành văn bản. Sau đó để thực hiện việc giao kết trên, ông Q đã chuyển tiền cho ông T với tổng số tiền là 250.000.000 đồng, chuyển khoản qua ngân hàng làm 4 lần từ ngày 19/9/2020 đến ngày 21/9/2020 (ngày 19/9/2020 chuyển khoản 210.000.000 đồng; ngày 21/9/2020 chuyển khoản 40.000.000 đồng).

Tất cả những lần chuyển tiền này ông Q đều chuyển khoản qua ngân hàng và có sao kê rõ ràng. Tuy nhiên từ khi chuyển tiền cho ông T đến nay, ông Q chưa nhận được bất kỳ số tiền nào cả lãi và gốc do ông T trả. Từ cuối năm 2021, ông Q đã yêu cầu ông T trả lại số tiền 250.000.000 đồng nói trên nhưng ông T không trả và còn tránh mặt nên ông Q đã lập thông báo đòi nợ gửi cho ông T vào ngày 25/11/2021 theo vi bằng số 424/2021/VB-TPLVN của Văn phòng thừa phát lại Việt Nam. Sau khi nhận được vi bằng này, ông T cũng không có thiện chí trả nợ và cũng không có ý kiến phản hồi gì nên ông Q khởi kiện ông T, yêu cầu ông T thanh toán cho ông: Tiền nợ gốc: 250.000.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 21/4/2022 là 250.000.000 đồng x 1% x 19 tháng = 37.500.000 đồng. Tổng cộng là 287.500.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hồng L có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử vụ án và trình bày: Bà là vợ của ông Hồ Q, bà có nghe ông Hồ Q kể có hùn tiền làm ăn với ông Nguyễn Trọng T số tiền 250.000.000 đồng. Việc ông Q cho ông T vay tiền bà không có ý kiến và đồng ý với mọi ý kiến của ông Q, bà L đồng ý đề nghị ông T trả tiền cho ông Q, vợ chồng bà sẽ tự giải quyết với nhau.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L1 (bà Lương là vợ của ông T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ tại địa chỉ cư trú của ông T tại đường I, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, tống đạt các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa, cụ thể như sau: Biên bản tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập lập bản tự khai ngày 20/01/2022; Biên bản tống đạt thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải ngày 22/02/2022 và ngày 10/3/2022; Biên bản tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 12/4/2022, Biên bản tống đạt quyết định hoãn phiên tòa ngày 04/5/2022 cho bị đơn ông Nguyễn Trọng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị L1 biết việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình đang

thụ lý giải quyết vụ án nhưng cả hai vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoa trình bày:

1. Rút lại yêu cầu đòi số tiền lãi là 37.500.000 đồng đối với ông Nguyễn Trọng T.

2. Yêu cầu ông Nguyễn Trọng T trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng cho ông Hồ Q. Không yêu cầu bà Đỗ Thị L1 có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tống đạt các quyết định theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng T và bà Đỗ Thị L1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tống đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: từ khi thụ lý vụ án đến nay đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ lời trình bày của đại diện hợp pháp nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sao kê tài khoản và Vi bằng về thông báo đòi nợ đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc ông T có trách nhiệm thanh toán cho ông Q số tiền còn nợ chưa thanh toán là 250.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ yêu cầu của ông Q đòi ông T trả số tiền lãi 37.500.000 đồng. Ghi nhận ông Q không yêu cầu bà Lương có trách nhiệm liên đới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ Q có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Trọng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản tuy nhiên căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì

tranh chấp giữa các bên là đòi tài sản. Về thẩm quyền ông Q khởi kiện ông Nguyễn Trọng T, có địa chỉ tại: 12A.11 chung cư 141 Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng: ông Q có đơn khởi kiện đòi tài sản đối với ông T nên ông Q tham gia tố tụng là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Về xác định việc tham gia tố tụng đối với bà Ngô Thị Hồng L và bà Đỗ Thị L1: Tại đơn khởi kiện ông Q có đưa bà L (vợ ông Q) và bà Lương (vợ ông T) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn nộp bản tự khai của bà L đề nghị buộc ông T trả tiền cho ông Q, vợ chồng bà sẽ tự giải quyết với nhau và đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng xác định không yêu cầu bà Lương có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả tiền cho ông Q.

- Về việc có mặt của các đương sự: bà Ngô Thị Hồng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Trọng T và bà Đỗ Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Lương và bà L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện thì ông Hồ Q thỏa thuận miệng (không lập thành văn bản) về việc góp tiền kinh doanh tiệm cầm đồ xe ô tô với ông Nguyễn Trọng T, ông T sẽ trả tiền lãi 1%/tháng, còn tiền vốn góp khi nào ông Q cần tiền thì báo ông T sẽ trả ngay. Sau đó, ông Q đã chuyển khoản cho ông T với tổng số tiền là 250.000.000 đồng, chuyển khoản qua ngân hàng làm 4 lần từ ngày 19/9/2020 đến ngày 21/9/2020 (ngày 19/9/2020 chuyển khoản 210.000.000 đồng; ngày 21/9/2020 chuyển khoản 40.000.000 đồng). Tất cả những lần chuyển tiền này ông Q đều chuyển khoản qua ngân hàng và có sao kê rõ ràng. Tuy nhiên từ khi chuyển tiền cho ông T đến nay, ông Q chưa nhận được bất kỳ số tiền nào cả lãi và gốc do ông T trả. Từ cuối năm 2020, ông Q đã yêu cầu ông T trả lại số tiền 250.000.000 đồng đã cho vay nói trên nhưng ông T không trả và còn tránh mặt. Vì ông T cố tình tránh mặt và không chịu trả tiền, nên ông Q đã lập thông báo đòi nợ gửi cho ông T vào ngày 25/11/2021 theo vi bằng số 424/2021/VB-TPLVN của Văn phòng thừa phát lại Việt Nam. Sau khi nhận được vi bằng này, ông T cũng không có thiện chí trả nợ và cũng không có ý kiến phản hồi gì nên ông Q khởi kiện ông T, yêu cầu ông T thanh toán cho ông tiền vốn góp gốc và lãi là 287.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 250.000.000 đồng đã giao cho ông T, rút lại yêu cầu đòi số tiền lãi do chậm thanh toán là 47.500.000 đồng. Không yêu cầu bà Lương có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả số tiền này. Bị đơn ông T vắng mặt không có lý do. *Hội đồng xét xử*

nhận thấy: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các bản sao kê tài khoản về việc chuyển khoản thể hiện ngày 19/9/2020 ông Q chuyển vào tài khoản của ông T số tiền 210.000.000 đồng và ngày 21/9/2020 chuyển khoản 40.000.000 đồng, tổng cộng 250.000.000 đồng. Tại vi bằng số 424/2021/VB-TPLVN ngày lập 25/11/2021 do Văn phòng Thừa phát lại Việt Nam lập thể hiện nội dung giao Thông báo đòi nợ đề ngày 25/11/2021 trong đó ông Q thông báo yêu cầu ông T có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận của ông Q và lãi chậm thanh toán là 287.500.000 đồng. Vi bằng có hình ảnh thể hiện lập tại địa chỉ nhà của ông T, có bà Đỗ Thị L1 nhận và cam kết giao lại. Ngoài ra từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa bị đơn ông T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đã biết yêu cầu đòi tiền của ông Q nhưng không có mặt để trình bày và xác nhận sự việc cho thấy bị đơn tự từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ để trình bày ý kiến của mình. Từ các nhận định trên, căn cứ Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Đình chỉ yêu cầu của ông Q đòi ông T trả số tiền lãi 47.500.000 đồng. Ghi nhận ông Q không yêu cầu bà Lương có trách nhiệm liên đới.

- Chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của ông Q: buộc ông T có trách nhiệm trả lại cho ông Q số tiền đã nhận là 250.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Nguyễn Trọng T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận là 250.000.000 đồng x 5% = 12.500.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho ông Hồ Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 139, Điều 173, Điều 180, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của ông Hồ Q đòi ông Nguyễn Trọng T trả số tiền lãi do chậm thanh toán là 47.500.000 đồng.

2. Ghi nhận ông Hồ Q không yêu cầu bà Đỗ Thị L1 có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả tiền cho ông Q.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Q số tiền đã nhận là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Thời hạn và phương thức thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Trọng T phải chịu án phí sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho ông Hồ Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.187.500 (bảy triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0030785 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thụy Hồng Châu